

Tuần 08, 06/03/2026

Rủi ro chiến tranh đe dọa thị trường

Tiêu điểm:

- Mỹ và Israel tiếp tục tấn công loạt mục tiêu ở Iran, trong khi Tehran cùng các nhóm liên kết đáp trả bằng cách tập kích vào những căn cứ, cảng và cơ sở hạ tầng trên lãnh thổ đồng minh của Washington.
- Căng thẳng leo thang tại Trung Đông đang đẩy giá năng lượng tăng mạnh. Trong khi áp lực giá cả có thể tăng trở lại, các quan chức Fed khó có động lực để giảm lãi suất.
- Lãi suất ngân hàng hôm nay 6.3: Tiếp tục tăng, 6 ngân hàng đẩy lãi suất lên trên 8%
- Giá xăng dầu đã tăng mạnh vào chiều 5/3, đặc biệt là giá dầu tăng sốc hơn 7,000 đồng/lit.

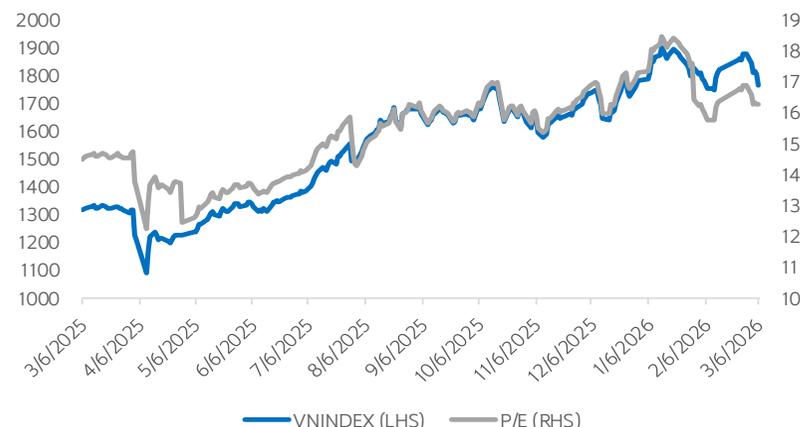
Đánh giá: Thị trường đang chịu tác động tiêu cực đến từ chiến sự của Mỹ-Israel và Iran. Cụ thể, giá dầu đã tăng 21% do (eo biển Hormuz đã bị đóng-vốn chiếm khoảng 20% lưu lượng dầu và khí LNG toàn cầu) trong tuần rồi gây áp lực lên lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Thị trường kì vọng FED sẽ giảm lộ trình cắt lãi suất. Các yếu tố trên sẽ tác động tiêu cực đến Việt Nam khi Việt Nam là nước nhập khẩu ròng năng lượng. Cụ thể, giá xăng dầu trong nước đã tăng sốc, từ đó sẽ tạo áp lực lên lạm phát, lãi suất và tỷ giá. Cùng với nhu cầu vốn để tăng trưởng kinh tế, các ngân hàng cũng đã tăng lãi suất. Khối ngoại cũng đã có tuần bán ròng mạnh dưới tác động “flight to safety”.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,767.84 điểm (-112 điểm; - 5.98%) vỡ thanh khoản tăng cao. Như vậy thị trường đã xóa bỏ đà tăng sau tết và quay lại vùng giao dịch cũ dưới 1,800. Nếu thị trường thủng 1,750 khả năng thị trường rơi sâu về vùng 1,700 là cao.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ngắn hạn nên ưu tiên đứng ngoài thị trường vì các yếu tố rủi ro chiến sự rất khó đoán. Với các vị thế trung hạn mua ở giá thấp, nhà đầu tư có thể yên tâm nắm giữ ở các nhóm ngành như thép và ngân hàng nhưng tỷ trọng ở mức vừa phải.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa 1W	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		
		1M	3M	YTD	P/E		P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)	
VN-Index	1,768	-6.0	0.7	1.5	-0.9		16.3	2.2	323
Upcom Index	127	-1.9	1.1	5.3	4.9		NA	2.1	25
HNX Index	254	-3.5	-1.0	-2.7	2.0		13.5	1.5	16
VN30 Index	1,904	-7.6	-2.0	-3.6	-6.2		14.9	2.3	224
S&P 500 Index	6,831	-0.7					26.7	5.3	60,738
STOXX Europe 600 Index	608	-4.0	-1.4	5.1	2.7		17.6	2.3	18,021
Hang Seng	25,757	-3.3	-3.0	-1.3	0.5		12.9	1.4	3,808
Nikkei 225	55,621	-5.5	2.5	10.2	10.5		21.8	2.7	5,901
SHCOMP Index	4,124	-0.9						1.6	9,452
STI Index	4,854	-2.8	-1.6	7.1	4.5		16.4	1.6	568
KOSPI Index	5,585	-10.6	9.7	36.2	32.5		21.5	1.8	3,024

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bảo vệ hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

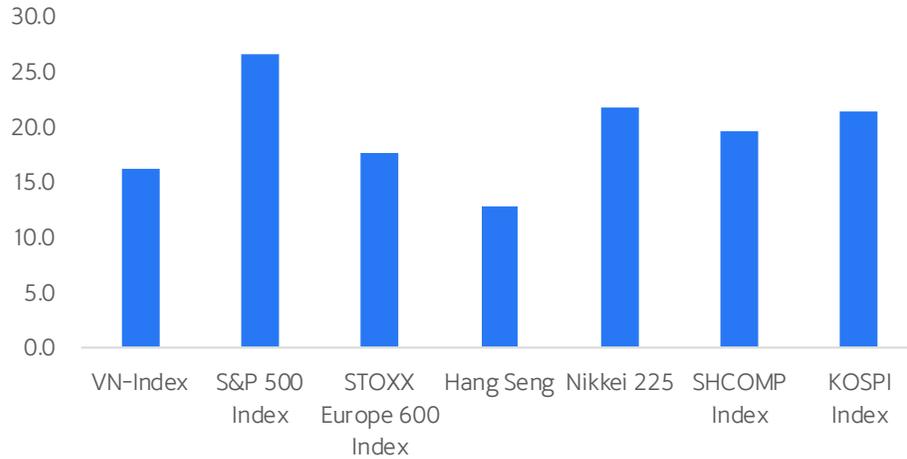


Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E		P/B
Large Cap	-6.3	1.1	4.2	1.0	22.1	43.6	39.7	21.5	38.2	-3.7	14.8	2.2	7,449,722
Mid Cap	-2.8	0.0	-0.5	3.3	39.5	75.2	75.6	55.9	36.0	1.5	11.7	1.3	523,603
Small Cap	-2.4	-1.9	-10.1	-5.3	46.3	47.1	26.2	15.8	25.8	2.2	11.6	0.7	65,310

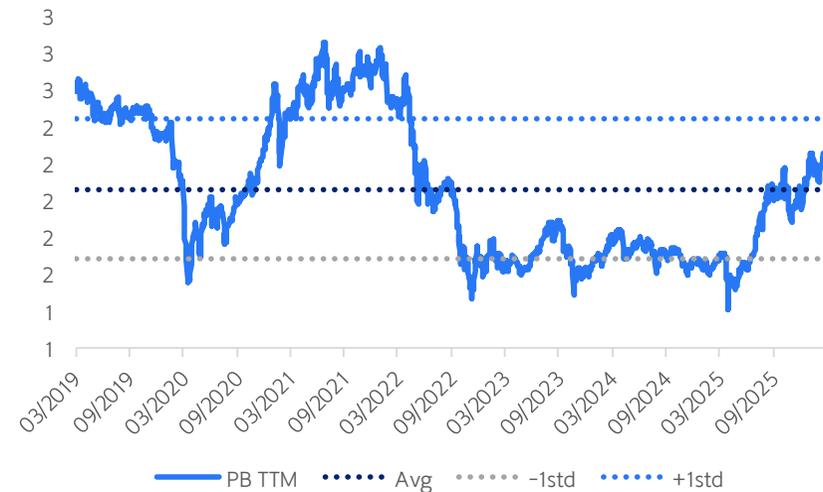
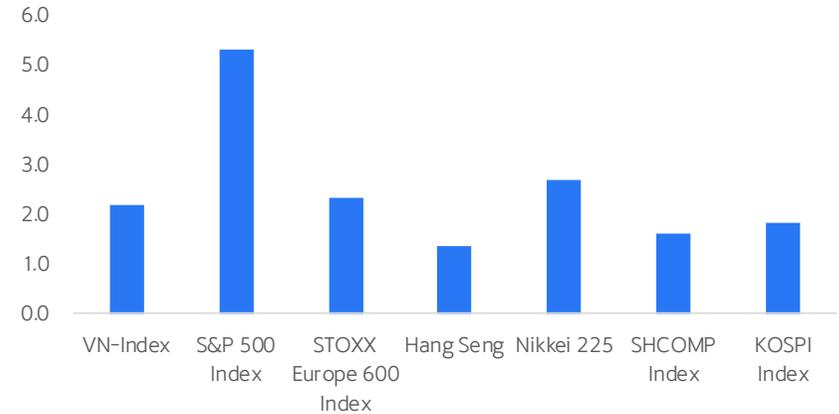
Theo ngành					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	14.6	34.7	113.5	358.9	37.0	61.0	92.4	43.6	2.7	0.1	36.5	3.3	287,811
Tiện ích	2.5	-0.2	44.6	30.1	45.2	64.1	47.7	28.6	11.7	1.0	17.1	2.5	423,721
Dược và Y tế	-1.0	-0.7	4.5	3.1	48.3	55.2	6.2	8.5	0.5	0.1	19.0	2.3	41,463
Hóa chất	-1.5	4.2	24.6	36.1	15.5	71.1	98.9	79.6	14.0	-2.1	17.9	2.1	260,332
Ô tô & Phụ tùng	-1.7	5.2	5.4	17.1	120.2	170.4	101.0	84.0	0.5	0.2	4.1	1.4	18,095
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.9	2.6	12.6	10.4	52.0	84.5	72.5	56.8	11.2	1.4	11.6	1.8	65,451
Bảo hiểm	-5.1	-2.4	28.5	26.2	5.6	7.7	-2.9	-23.9	0.3	-0.1	16.2	2.0	70,156
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-5.1	3.5	-4.6	-3.6	51.1	74.3	58.6	44.2	11.3	1.3	17.3	2.2	254,134
Xây dựng và vật liệu	-5.2	-1.3	-6.5	-0.4	35.3	31.6	24.1	10.5	11.5	0.2	10.8	1.4	143,501
Tài nguyên cơ bản	-5.6	1.0	0.8	4.1	47.6	60.4	10.3	8.9	1.2	0.1	14.1	1.4	251,367
Thực phẩm và đồ uống	-5.8	-5.8	-4.9	-1.1	55.2	69.5	20.9	17.9	2.9	0.4	14.9	2.4	432,390
Tài chính	-6.1	4.2	23.9	18.0	45.7	68.7	38.7	25.2	3.7	0.3	18.3	2.0	458,307
Ngân hàng	-6.6	-4.5	1.4	1.5	26.1	16.4	10.5	-11.5	5.2	-0.3	9.5	1.6	2,603,963
Truyền thông	-6.7	-4.4	-5.4	0.9	566.1	766.3	808.9	643.7	0.1	0.1	25.4	1.0	2,710
Du lịch và Giải trí	-7.5	-4.2	-21.3	-16.7	12.3	10.8	-18.7	-11.0	3.1	-0.6	6.9	4.6	314,033
Bất động sản	-9.3	8.9	-5.0	-14.5	62.3	79.4	47.5	34.3	12.7	2.3	24.7	2.8	1,996,363
Bán lẻ	-11.2	-6.7	-2.6	-4.1	47.8	80.5	126.9	79.2	2.4	0.2	19.5	3.6	166,582
Công nghệ Thông tin	-11.7	-15.7	-14.0	-13.5	-31.4	7.6	60.8	29.0	5.0	-4.7	14.8	3.2	154,314

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524.0	24,291.8	120,517.0
Ấn độ	-1,314.4	-1,314.4	-2,886.5	-2,886.5
Indonesia	146.7	146.7	-420.9	-420.9
Nhật Bản*	6,240.9	21,614.8	40,470.5	40,470.5
Maylaysia	15.7	15.7	317.5	317.5
Hàn Quốc	-3,225.3	-3,225.3	-14,892.6	-16,472.0
Sri Lanka	0.1	0.1	-52.1	-52.1
Đài Loan	-7,880.8	-7,880.8	1,927.3	1,927.3
Thái Lan	-215.5	-215.5	1,667.8	1,667.8
Việt Nam	-177.7	-177.7	-693.2	-693.2

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,666	-26.9	-27.1	-80.3	-588.9
Nước ngoài	1,840	-26.8	-24.8	-65.4	-457.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	605	-19.4	-19.4	28.6	-20.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	440	-7.4	-7.6	-46.4	-389.9
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	374	0.0	2.1	10.6	-25.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	215	0.0	0.0	-58.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	0.0	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	826	-0.1	-2.2	-14.9	-131.0
DCVMVN Diamond ETF	528	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVMVN30 ETF Fund	231	0.0	-1.0	-14.3	-118.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	-0.1	0.3	1.8	-2.5
MAFN VN30 ETF	31	0.0	-1.9	-2.8	-8.8
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.2	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.0	0.3	0.3	-0.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

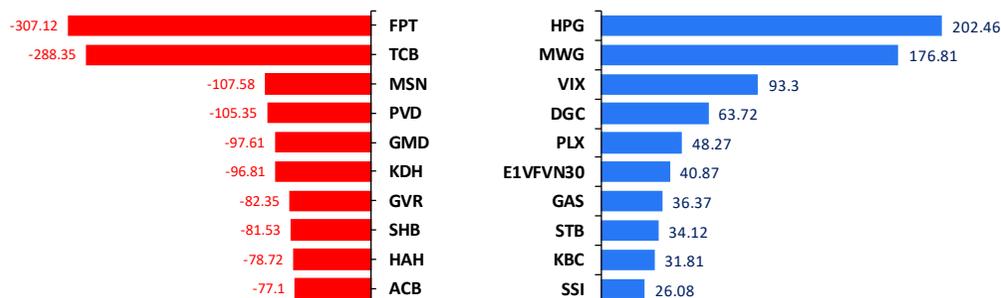
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

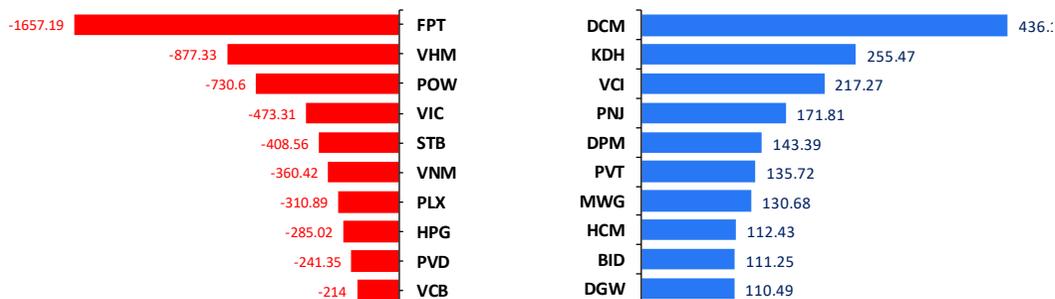
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



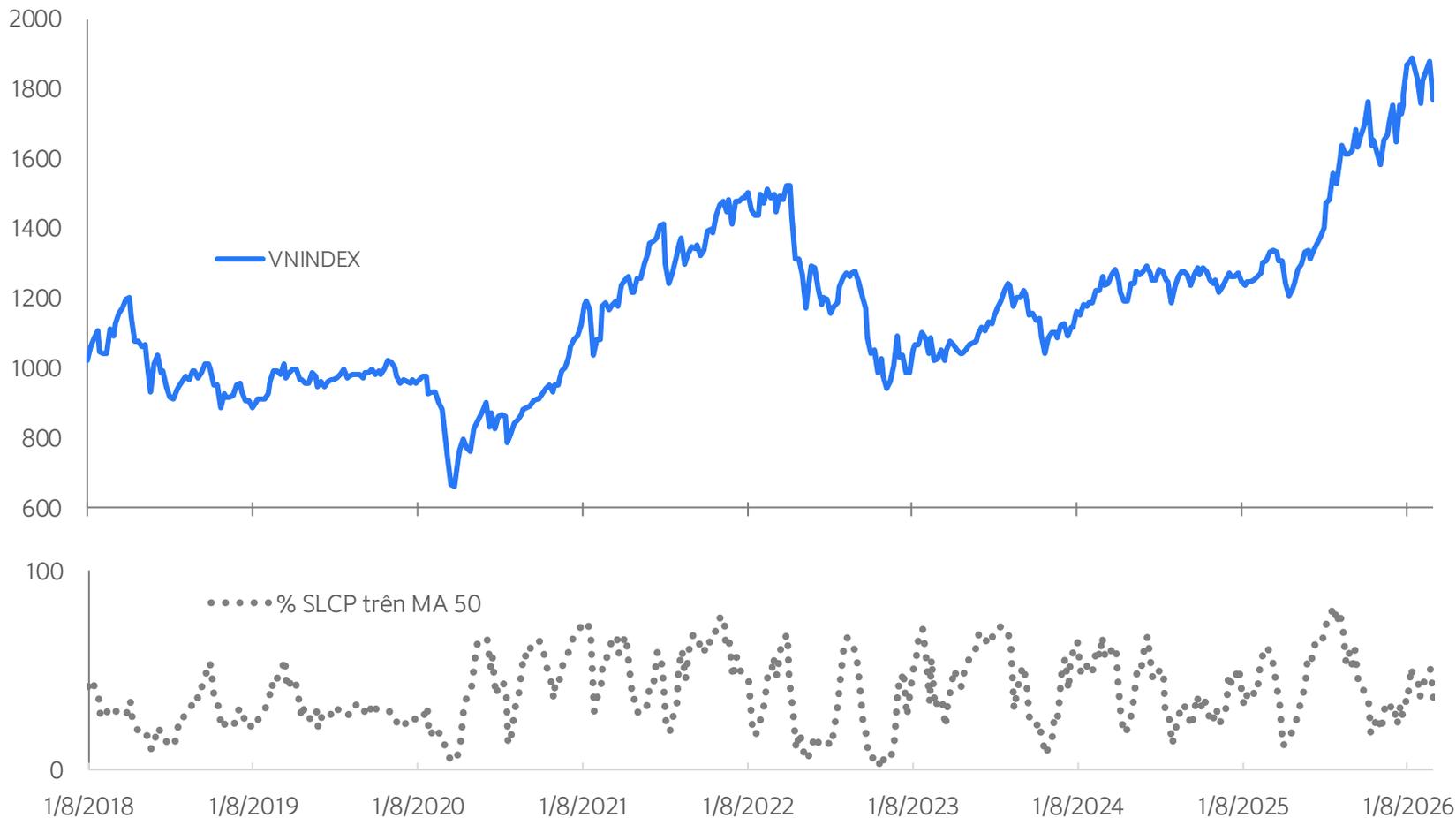
Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-138	-1,705	-2,174	3,879
Tài nguyên Cơ bản	204	-350	142	208
Truyền thông	0	0	1	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-172	-105	-114	220
Y tế	0	-7	6	2
Hóa chất	-84	479	-31	-448
Dịch vụ tài chính	164	-13	-419	432
Du lịch và Giải trí	-31	-94	179	-84
Ngân hàng	-659	-1,182	-533	1,715
Xây dựng và Vật liệu	-17	27	-53	26
Thực phẩm và đồ uống	-103	-397	-193	590
Bán lẻ	166	205	-314	109
Điện, nước & xăng dầu khí	33	-721	549	171
Hàng cá nhân & Gia dụng	-10	179	-113	-66
Công nghệ Thông tin	-309	-1,661	151	1,509
Ô tô và phụ tùng	4	-30	40	-10
Bảo hiểm	-2	59	-36	-23
Dầu khí	-61	-760	339	420
Tổng	-1,012	-6,077	-2,574	8,651

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	43	Neutral	Weak	DXG	33	Weak	Weak	BVH	50	Weak	Weak	HPG	47	Neutral	Neutral	GEX	43	Weak	Weak
MBB	42	Weak	Neutral	NVL	33	Weak	Weak	BMI	40	Weak	Neutral	NKG	38	Weak	Weak	VSC	52	Neutral	Strong
HDB	34	Weak	Weak	DIG	26	Weak	Weak	BIC	42	Strong	Strong	HSG	34	Weak	Weak	PVT	82	Too hot	Strong
VPB	36	Weak	Weak	VRE	37	Weak	Weak	VIX	41	Weak	Weak	SMC	28	Weak	Weak	GMD	59	Neutral	Strong
MSB	31	Weak	Weak	PDR	28	Weak	Weak	SSI	48	Neutral	Neutral	CII	36	Weak	Weak	HAH	54	Strong	Strong
TCB	27	Weak	Weak	VIC	51	Strong	Neutral	VND	44	Neutral	Weak	HHV	37	Weak	Weak	GEE	41	Weak	Weak
EIB	48	Neutral	Neutral	KDH	35	Weak	Weak	VCI	55	Neutral	Strong	VCG	53	Strong	Weak	VOS	57	Strong	Strong
ACB	41	Neutral	Weak	VHM	38	Weak	Weak	HCM	46	Neutral	Neutral	PCI	57	Strong	Strong	APH	27	Weak	Weak
TPB	41	Weak	Neutral	TCH	30	Weak	Weak	TCX	44	Weak	Strong	FCN	24	Weak	Weak	VTP	55	Neutral	Strong
STB	53	Neutral	Strong	KBC	36	Weak	Weak	ORS	62	Strong	Strong	VGC	41	Weak	Neutral	SBG	29	Weak	Weak
CTG	35	Weak	Weak	HDG	54	Neutral	Neutral	VDS	39	Weak	Weak	DPG	46	Weak	Neutral	REE	47	Neutral	Neutral
VIB	37	Neutral	Weak	HDC	29	Weak	Weak	FTS	31	Weak	Weak	CTD	47	Weak	Neutral	PAC	52	Neutral	Neutral
SSB	48	Neutral	Neutral	NLG	35	Weak	Weak	CTS	43	Neutral	Weak	CTR	30	Weak	Weak	TV2	46	Weak	Neutral
VCB	38	Weak	Weak	DXS	27	Weak	Weak	BSI	44	Neutral	Neutral	HT1	60	Strong	Strong	TCM	33	Weak	Weak
NAB	26	Neutral	Weak	NTL	38	Weak	Weak	TCI	43	Neutral	Weak	CTI	52	Neutral	Strong	TLG	54	Neutral	Strong
OCB	30	Weak	Weak	SIP	45	Weak	Neutral	TVB	45	Neutral	Neutral	BMP	32	Weak	Weak	PNJ	47	Weak	Strong
BID	37	Weak	Weak	SZC	36	Weak	Weak	DSE	54	Neutral	Neutral					MSH	44	Weak	Neutral
LPB	49	Neutral	Neutral	BCM	34	Weak	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	26	Weak	Weak	PVD	71	Too hot	Strong	MSN	31	Weak	Weak	YEG	55	Neutral	Strong	VPL	34	Weak	Weak
SAM	23	Weak	Weak	BSR	80	Too hot	Strong	VNM	37	Weak	Weak	DCL	52	Weak	Strong	VJC	34	Weak	Weak
ELC	28	Weak	Weak	PLX	58	Strong	Strong	DBC	29	Weak	Weak	DBD	53	Neutral	Strong	HVN	32	Weak	Weak
CMG	29	Weak	Weak	POW	52	Neutral	Strong	BAF	46	Neutral	Neutral	TNH	33	Weak	Weak	SCS	49	Neutral	Neutral
MWG	33	Weak	Weak	NT2	55	Neutral	Strong	SAB	34	Weak	Weak	JVC	28	Weak	Weak	VNG	41	Weak	Weak
DGW	38	Weak	Neutral	GAS	52	Neutral	Strong	ANV	35	Weak	Weak					HAX	39	Weak	Neutral
PET	57	Strong	Strong	GEG	56	Neutral	Strong	VHC	43	Weak	Neutral					DRC	52	Neutral	Neutral
FRT	34	Weak	Weak	PPC	52	Neutral	Neutral	MCH	37	Weak									

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	PHR	63.7	68	NA	6.8%	Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận được hỗ trợ bởi việc chuyển đổi đất cao su sang khu công nghiệp. Giá và thanh khoản có dấu hiệu cải thiện rõ nét trên MA 50
2	DCM	40.4	NA	36	NA	Kỳ vọng bật tăng tại hỗ trợ mở ra cơ hội mua mới. Nhóm ngành phân bón được hưởng lợi nhờ chính sách thuế VAT đầu ra và giá phân bón kỳ vọng neo cao
3	KDH	28	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kỳ vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
4	VSC	25.1	30	24	19.5%	Nhóm cảng biển đang được hưởng lợi. VSC có động lượng tăng giá mạnh mẽ và đã vào nhịp uptrend. Cần chờ đợi những nhịp điều chỉnh để tham gia

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DRH	Bất động sản	1.77 - 3.96	2.7	-19.0%
2	CIG	Xây dựng và Vật liệu	6.55 - 10.35	6.6	-17.5%
3	FIR	Bất động sản	5.01 - 9.70	5.2	-16.3%
4	PNC	Truyền thông	16.75 - 85.00	24.6	-16.0%
5	HID	Xây dựng và Vật liệu	2.33 - 11.90	4.1	-15.1%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.7%	67.7	12.50 - 72.50	Hóa chất	HRC
27.7%	30.7	14.09 - 31.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PVT
18.8%	37.1	9.01 - 38.45	Dầu khí	BSR
18.2%	8.6	5.93 - 37.00	Bán lẻ	PIT
15.3%	37.1	24.75 - 50.70	Hóa chất	DCM

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DST	Truyền thông	4.00 - 14.50	9.0	-19.6%
2	TET	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.10 - 44.20	32.4	-19.0%
3	VLA	Công nghệ Thông tin	7.50 - 13.50	9.1	-18.8%
4	CMC	Ô tô và phụ tùng	5.27 - 11.60	9.0	-18.2%
5	STC	Truyền thông	13.70 - 20.00	15.0	-14.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
23.6%	11.0	8.00 - 12.60	Tài nguyên Cơ bản	NBC
19.8%	33.9	17.80 - 35.50	Truyền thông	QST
19.5%	24.5	17.50 - 26.80	Xây dựng và Vật liệu	NHC
18.1%	8.5	6.80 - 15.20	#N/A	TD6
17.6%	27.4	10.50 - 29.90	Du lịch và Giải trí	ATS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HPB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.10 - 51.00	27.4	-36.3%
2	TTD	Y tế	68.00 - 168.00	90.0	-33.9%
3	BCP	Y tế	7.60 - 13.40	7.6	-33.3%
4	HCI	Tiêu dùng không thiết yếu	6.60 - 11.00	7.6	-30.9%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	3.57 - 9.20	5.6	-30.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
80.9%	8.5	3.10 - 8.50	Dầu khí	PTV
54.8%	6.5	3.50 - 8.00	Bất động sản	PLA
47.4%	11.2	6.70 - 13.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	POV
40.8%	10.0	4.50 - 11.80	Hóa chất	PVO
40.6%	9.0	6.10 - 12.40	Xây dựng và Vật liệu	CT6

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59,818.4	616.2	18.2	3.65 - 5.73	7.3
2	VTO	VITACO	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21,731.0	574.8	12.6	10.75 - 17.00	2.9
3	CSM	Cao su Miền Nam	Ô tô và phụ tùng	11,224.3	498.0	12.4	9.96 - 17.20	-5.0
4	GEG	Điện Gia Lai	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	23,921.6	450.5	15.4	11.50 - 18.45	3.4
5	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	701,120.1	369.3	14.6	8.20 - 16.85	0.3
6	PAC	PinẮc quy Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19,693.5	330.0	23.7	18.63 - 36.50	3.3
7	VPX	CTCP Chứng khoán VPBank	Dịch vụ tài chính	118,253.2	326.6	31.2	26.85 - 34.50	-2.5
8	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	580,888.3	305.2	30.7	14.09 - 31.40	27.7
9	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	69,282.1	290.1	14.6	7.19 - 17.00	4.3
10	CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	Hóa chất	78,882.7	250.6	29.9	26.60 - 43.70	-5.5

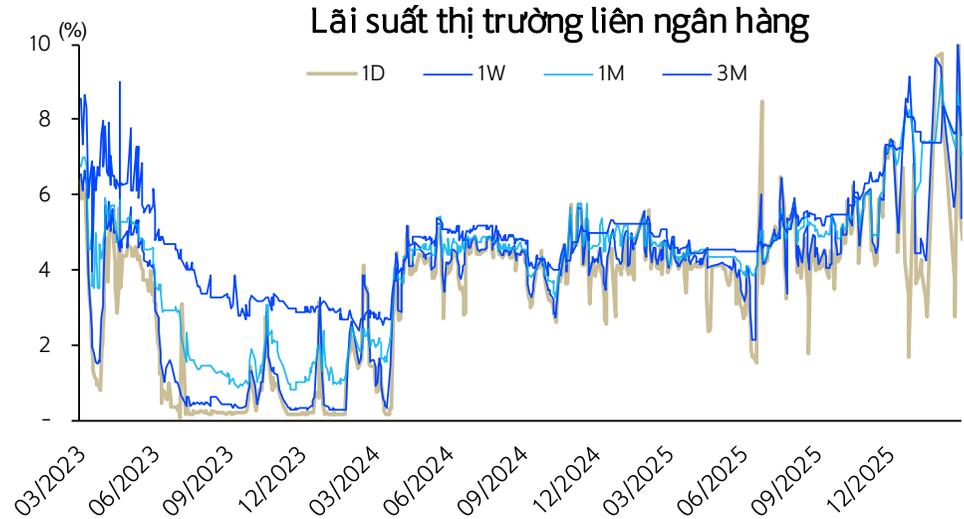
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

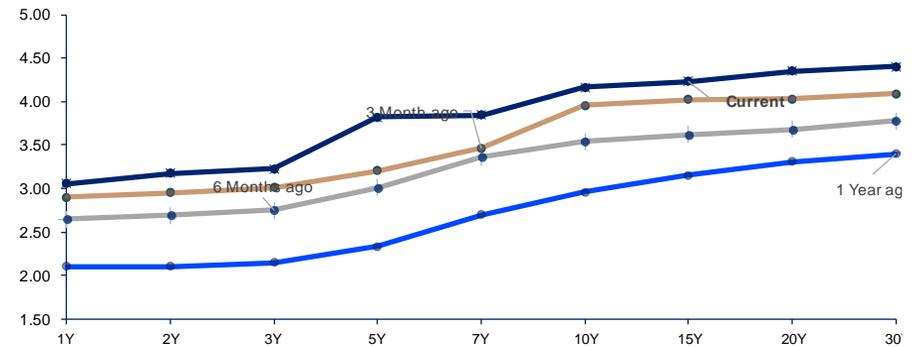
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.00	1.4	1.4	0.0	0.7	
VND/USD	26,222	0.6	1.0	-0.5	-0.3	
KRW/USD	1,474.50	2.4	0.7	0.3	2.4	
JPY/USD	157.72	1.1	0.3	1.2	0.6	
EUR/USD	0.86	1.9	1.9	0.3	1.3	
SGD/USD	1.28	1.1	0.6	-1.5	-0.5	
CNY/USD	6.90	0.5	-0.5	-2.4	-1.3	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	81.33	21.4	28.0	35.4	41.6	
Xăng	263.21	26.7	34.8	43.5	54.3	
Gas	2.98	4.1	-13.0	-43.7	-19.2	
Than	131.50	13.6	13.8	19.3	22.3	
Vàng	5,103.75	-3.3	2.8	21.8	18.2	
Bạc	84.07	-10.4	8.0	44.6	17.3	
Platinum	2,162.89	-8.7	2.9	30.8	5.0	
Quặng sắt	100.89	1.9	-0.1	-5.9	-5.8	
Thép cán	3,239.00	-0.2	-0.8	-2.1	-0.9	
Lúa mì	582.75	1.9	8.9	8.4	14.9	
Ngô	444.00	1.2	3.2	1.7	0.9	



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.06	3.17	3.23	3.82	3.85	4.17	4.23	4.02	3.62
Thay đổi (WoW)	1.60	2.10	2.50	6.80	3.20	4.80	2.00	5.80	5.80

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.